

QUY ĐỊNH

**Việc xử lý các cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy
trên địa bàn tỉnh được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy
và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực
(Kèm theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND
ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)**

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định việc xử lý các cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn tỉnh An Giang được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực (trước ngày 04 tháng 10 năm 2001). Đối với kho chứa và công trình chế biến sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, hoá chất nguy hiểm về cháy, nổ ở khu dân cư, nơi đông người phải có phương án di chuyển, bảo đảm khoảng cách an toàn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ sở không đảm bảo yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại Điều 20 Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2001; Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

2. Các kho chứa và công trình chế biến sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, hoá chất nguy hiểm về cháy, nổ ở khu dân cư, nơi đông người nhưng không bảo đảm khoảng cách an toàn phòng cháy, chữa cháy từ cơ sở đến các công trình xung quanh theo quy định của pháp luật và quy chuẩn, tiêu chuẩn về phòng cháy, chữa cháy hiện hành.

3. Công an tỉnh, Sở Xây dựng, các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn các cơ sở thực hiện các biện pháp khắc phục từng nội dung không bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Tuân thủ các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định về phòng cháy, chữa cháy; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về

phòng cháy, chữa cháy, bảo đảm phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy phải thực hiện các giải pháp bổ sung, khắc phục từng nội dung không bảo đảm an toàn về phòng cháy, chữa cháy theo quy định tại Điều 5 của Quy định này.

3. Cơ sở thuộc loại hình kho chứa và công trình chế biến sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, hoá chất nguy hiểm về cháy, nổ không bảo đảm khoảng cách an toàn phòng cháy, chữa cháy từ cơ sở đến khu dân cư, nơi đông người bắt buộc phải có phương án di chuyển bảo đảm khoảng cách an toàn về phòng cháy, chữa cháy theo quy định tại Điều 5 của Quy định này.

4. Tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở ổn định hoạt động sản xuất, kinh doanh lâu dài, hạn chế việc gián đoạn sản xuất, kinh doanh của cơ sở.

5. Phương án di chuyển các kho chứa và công trình chế biến sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, hoá chất nguy hiểm về cháy, nổ ở khu dân cư, nơi đông người phải phù hợp với quy hoạch xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Chương II

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, XỬ LÝ CƠ SỞ KHÔNG BẢO ĐẢM YÊU CẦU VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐƯỢC ĐƯA VÀO SỬ DỤNG TRƯỚC NGÀY 04 THÁNG 10 NĂM 2001

Điều 4. Quy định việc xử lý các cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn tỉnh được đưa vào sử dụng trước ngày 04 tháng 10 năm 2001

Các cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn tỉnh được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực 04 tháng 10 năm 2001 phải thực hiện các giải pháp bổ sung, khắc phục đối với từng nội dung không bảo đảm an toàn về phòng cháy, chữa cháy, cụ thể:

1. Bậc chịu lửa

Đối với các nhà, nhóm nhà công nghiệp khung thép mái tôn cho phép không theo giới hạn chịu lửa theo quy định khi:

a) Dùng kết cấu thép không có bảo vệ trong nhà sản xuất một tầng, mà không phụ thuộc vào tính toán nguy hiểm về cháy của hạng sản xuất bố trí trong đó.

b) Dùng kết cấu thép không có bảo vệ trong nhà sản xuất nhiều tầng khi bố trí trong đó các hạng sản xuất D và E.

c) Dùng kết cấu thép trong nhà sản xuất nhiều tầng khi trong đó bố trí các công nghệ sản xuất hạng A, B và C với điều kiện phải bảo vệ kết cấu thép bằng

vật liệu chống cháy có giới hạn chịu lửa không dưới 45 phút ở tất cả các tầng, trừ tầng trên cùng.

d) Dùng kết cấu thép che mái, tầng hầm, mái và sàn trong các nhà, công trình công cộng bậc chịu lửa I, II mà các kết cấu đó có bảo vệ bằng các vật liệu không cháy hoặc sơn chống cháy, có giới hạn chịu lửa không dưới 45 phút.

đ) Bổ sung các giải pháp gia cố tăng cường bảo vệ các cấu kiện xây dựng trước tác động của đám cháy (bổ sung hệ thống chữa cháy Sprinkler, màn nước ngăn cháy, sơn, bọc bảo vệ) làm tăng giới hạn chịu lửa của các cấu kiện này, theo đó, có thể nâng bậc chịu lửa của công trình.

2. Đường giao thông cho xe chữa cháy

a) Xem xét đến khả năng tiếp cận thông qua đường giao thông nội bộ của công trình liền kề theo hướng tiếp giáp với công trình, nếu bảo đảm đường, bãi đỗ cho xe chữa cháy. Cần xây dựng biện pháp và quy chế chung giữa các cơ sở để bảo đảm được tính sẵn sàng của đường và bãi đỗ tương đương với điều kiện nằm trên cùng một chủ cơ sở và xem xét, cập nhật vào quy hoạch phòng cháy, chữa cháy.

b) Bố trí các thang máy chữa cháy ở mép phía ngoài nhà, có điểm dừng ở các tầng để lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ có thể tiếp cận và sử dụng.

c) Đối với các công trình tại đô thị lớn, có thể xem xét việc tiếp cận từ trên mái của các công trình liền kề nhau.

d) Bổ sung các họng tiếp nước từ chỗ xe chữa cháy có thể triển khai tiếp nước đến hệ thống chữa cháy của tòa nhà.

đ) Trang bị máy bơm khiêng tay kèm theo bổ sung nguồn nước chữa cháy ngoài nhà (trụ nước chữa cháy của thành phố hoặc bến, bãi, ao hồ cạnh khu vực công trình).

e) Lắp đặt bổ sung hệ thống lăng giá phun nước (monitor) được điều khiển bằng tay trong nhà dọc theo chiều dài phía xe chữa cháy không tiếp cận được, khoảng cách giữa các lăng theo bán kính bảo vệ của lăng giá; hệ thống lăng giá này được kết nối với hệ thống chữa cháy bằng nước của cơ sở và họng chờ tiếp nước từ xe chữa cháy tại vị trí xe chữa cháy có thể tiếp cận được.

g) Trường hợp có đường nội bộ kích thước nhỏ hơn 3,5m lực lượng chữa cháy có thể tiếp cận được dọc theo đường nội bộ này, phải mở thêm các cửa tiếp cận từ ngoài vào trong (cửa này phải bảo đảm chiều rộng, chiều cao thoát nạn theo quy định), tại các vị trí cửa này phía ngoài nhà phải bố trí họng nước chữa cháy (khô) ngoài nhà của công trình được kết nối trực tiếp đến đường ống cấp nước có bố trí họng tiếp nước tại vị trí xe chữa cháy có thể tiếp cận được.

h) Tiếp cận bằng đường thủy trong trường hợp địa phương được trang bị canô, tàu chữa cháy.

i) Trang bị mặt nạ lọc độc trên mỗi tầng để sử dụng trong quá trình thoát nạn.

3. Khoảng cách an toàn phòng cháy, chữa cháy

a) Trang bị bổ sung đầu phun Sprinkler tự động hoặc màn nước ngăn cháy trên các ô cửa sổ, vách kính, tại vị trí bố trí các vật liệu không bảo đảm giới hạn chịu lửa.

b) Tăng giới hạn chịu lửa cho các vật liệu nằm trên tường ngoài của công trình theo hướng tiếp giáp với công trình xung quanh.

c) Xây bổ sung tường, vách ngăn cháy ở mặt tiếp giáp với các công trình xung quanh hoặc ốp tấm, vật liệu chống cháy bên trong các cửa sổ, lỗ cửa.

d) Bổ sung giải pháp phân vùng ngăn cháy, bố trí chát cháy cách xa tường ngoài phía tiếp giáp với các công trình xung quanh.

đ) Giảm tải trọng chất cháy bố trí trong công trình.

e) Tăng giới hạn chịu lửa các cấu kiện xây dựng chính để tăng bậc chịu lửa của công trình để giảm khoảng cách an toàn phòng cháy, chữa cháy.

4. Bố trí mặt bằng, công năng sử dụng

a) Điều chỉnh công năng phù hợp với quy định tại phụ lục H5 QCVN 06:2021/BXD.

b) Quá trình vận hành, hoạt động hạn chế số người đối với các công năng bố trí ở các tầng cao, hoặc các tầng hầm của công trình để bảo đảm thoát nạn nhanh chóng, không bị ùn tắc khi tổ chức thoát nạn.

c) Đối với các phòng có nhóm người hạn chế về vận động như trẻ em, người già, người bệnh, người khuyết tật phải điều chỉnh bố trí ở các tầng thấp.

d) Bố trí công năng trong công trình cần tính toán đến đặc điểm sử dụng, bao gồm: Thời gian sử dụng trong ngày, thể trạng, lứa tuổi của người sử dụng để đưa ra phương án thoát nạn an toàn cho các gian phòng, khu vực đó.

đ) Bổ sung thêm các gian lánh nạn cục bộ cho những đối tượng có hạn chế về sức khỏe hoặc vận động (ví dụ trong bệnh viện, nhà dưỡng lão).

e) Trang bị các giải pháp kỹ thuật bổ sung cho các phòng chức năng để bảo đảm vận hành an toàn khi có sự cố, cháy nổ xảy ra (ví dụ như việc trang bị cho phòng máy bơm chữa cháy đặt dưới tầng hầm 1: Trang bị 03 nguồn điện cấp cho máy bơm chữa cháy; camera giám sát trạng thái phòng bơm; bố trí nút ấn điều khiển bơm tại phòng trực chống cháy, chế độ ngắt của bơm chữa cháy phải bằng tay, không được tự ngắt bằng công tắc áp lực).

5. Giải pháp ngăn cháy lan

a) Nâng bậc chịu lửa của công trình để bảo đảm diện tích khoang cháy theo quy định bằng cách tăng giới hạn chịu lửa của các cấu kiện xây dựng.

b) Bổ sung hệ thống chữa cháy Sprinkler, màn nước ngăn cháy để bảo vệ cấu kiện xây dựng trước tác động của đám cháy, tăng giới hạn chịu lửa của các cấu kiện này.

c) Cho phép thay đổi tường ngăn cháy bằng vùng ngăn chặn cháy với chiều rộng không nhỏ hơn 12m. Vùng ngăn cháy là khoảng đệm chia ngôi nhà theo suốt chiều rộng (chiều dài) và chiều cao. Các phòng trong vùng ngăn cháy không được sử dụng hay bảo quản các chất khí, chất lỏng và vật liệu dễ cháy cũng như các quá trình tạo ra bụi dễ cháy. Giới hạn chịu lửa của các cấu kiện và bộ phận của ngôi nhà trong vùng ngăn cháy phải bảo đảm:

- 45 phút đối với tường ngăn giữa vùng ngăn cháy và các khu vực khác;
- 15 phút đối với vách ngăn;
- 150 phút đối với cột;
- 45 phút đối với sàn, mái và tường ngoài.

d) Trong các ngôi nhà một tầng có bậc chịu lửa III, IV, V không sử dụng bảo quản các chất khí, chất lỏng dễ cháy cũng như không có các quá trình tạo ra bụi dễ cháy cho phép thay thế tường ngăn cháy bằng vùng ngăn cháy với chiều rộng không nhỏ hơn 6m.

đ) Tại các vị trí không thể bố trí các tường, vách ngăn cháy theo quy định, xem xét thiết kế giải pháp màn nước ngăn cháy tuy nhiên phải tính toán đến giải pháp ngăn chặn lan truyền của khói giữa các khoang cháy.

e) Bổ sung các hệ thống, thiết bị chữa cháy như hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, thiết bị chữa cháy tự động bằng bột, khí nhằm hạn chế diện tích, cường độ và thời gian cháy.

g) Giảm số lượng chất hàng nguy hiểm cháy nổ; sắp xếp hàng hoá tạo khoảng cách an toàn phòng cháy, chữa cháy đến khu vực có nguồn nhiệt, nguồn lửa, thiết bị điện.

6. Giải pháp thoát nạn

a) Bổ sung thêm lối ra thoát nạn thứ 2 là các thang sắt ngoài nhà.

b) Bổ sung lối thoát nạn khẩn cấp, lối đi qua ban công, lô gia hoặc mái sang các nhà liền kề có cùng độ cao.

c) Hạn chế số người có mặt đồng thời trong công trình để bảo đảm mật độ, dòng người thoát nạn.

d) Trang bị các thiết bị phục vụ thoát nạn như: Thang dây, thang móc, ống tụt... để thoát hiểm khẩn cấp trong trường hợp xảy ra cháy, nổ.

đ) Trường hợp bố trí các thang hở, thang rê quạt phải bổ sung các giải pháp ngăn cháy, chống tụ khói, chỉ dẫn thoát nạn cho các thang bộ này như: Bổ sung các cửa sập ngăn cháy trước lối vào thang, bổ sung các quạt cắt gió ngăn hành lang và khu vực cầu thang bộ, sơn phản quang chỉ dẫn tại các bậc thang rê quạt để nhận biết, trang bị bổ sung đầu phun chữa cháy Sprinkler tự động tại vị trí hành

lang trước khi vào cầu thang hở hoặc có giải pháp mở các ô thoáng ở mặt ngoài của cầu thang bộ trong nhà, để bảo đảm cầu thang được thông gió, thoát khói tự nhiên...

e) Tăng cường các giải pháp bảo vệ người trên đường thoát nạn bằng các giải pháp bố trí mặt bằng không gian.

g) Hạn chế tính nguy hiểm cháy của vật liệu xây dựng thuộc các lớp bề mặt kết cấu gian phòng, hành lang, đường thoát nạn.

h) Bổ sung, trang bị các phương tiện, hệ thống kỹ thuật về phòng cháy, chữa cháy (hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động, các loại bình chữa cháy xách tay...) để bảo đảm an toàn thoát nạn cho người.

i) Bổ sung giải pháp về thông báo, tổ chức thoát nạn bằng hệ thống thông báo, hướng dẫn thoát nạn, hoặc bố trí người trực 24/24 giờ để kịp thời báo động và hướng dẫn thoát nạn khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.

k) Sử dụng thang cuốn làm lối ra thoát nạn: Thang cuốn phải được liên động với hệ thống báo cháy tự động (tự động dừng hoạt động khi có tín hiệu báo cháy), bổ sung sơn phản quang bậc thang cuốn, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn.

l) Trang bị mặt nạ lọc độc trên mỗi tầng để phục vụ người sử dụng trong quá trình thoát nạn.

7. Trang bị hệ thống, phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy

a) Bổ sung cửa chống cháy cho các căn hộ, hệ thống quạt tăng áp cho các buồng thang bộ, bổ sung đầu phun Sprinkler, đầu báo cháy tự động cho các căn hộ để thay thế cho hệ thống hút khói hành lang.

b) Bổ sung giải pháp mở các ô thoáng ở mặt ngoài của buồng thang bộ để bảo đảm cầu thang được thông gió, thoát khói tự nhiên (tương tự như cầu thang bộ loại 3), thay thế cho giải pháp tăng áp đối với buồng thang bộ.

c) Sử dụng hệ thống báo cháy tự động không dây đối với các công trình quy mô nhỏ và vừa để thay thế hệ thống báo cháy thông thường.

d) Nghiên cứu trang bị các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy mới theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn về phòng cháy, chữa cháy của nước ngoài như: Hệ thống báo cháy không dây, hệ thống chữa cháy tự động bằng khí aerosol, hệ thống chữa cháy khí cục bộ, hệ thống phun sương cao áp... đối với các công trình hiện hữu, không phải thi công, sửa chữa nhiều ảnh hưởng đến kết cấu của công trình.

đ) Khi trang bị các hệ thống, thiết bị chưa có quy chuẩn, tiêu chuẩn về phòng cháy, chữa cháy của Việt Nam thì áp dụng các tiêu chuẩn về phòng cháy, chữa cháy của nước ngoài theo khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2013.

8. Đối với các cơ sở có tính chất đặc thù như cửa hàng kinh doanh xăng dầu, cửa hàng kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng, trường hợp cơ sở không đáp ứng

điều kiện về khoảng cách an toàn phòng cháy, chữa cháy thì tùy theo điều kiện của từng cơ sở có thể áp dụng giải pháp giảm tổng lượng xăng dầu chứa tại cơ sở phù hợp với cấp cửa hàng xăng dầu theo quy định hoặc xây dựng tường ngăn cháy đối với cửa hàng kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng.

9. Đối với các cơ sở không có khả năng thực hiện các biện pháp khắc phục nêu trên phải thay đổi tính chất sử dụng công trình bảo đảm quy định về phòng cháy, chữa cháy.

10. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2023, các cơ sở không thực hiện đầy đủ giải pháp khắc phục hoặc không thay đổi tính chất sử dụng bảo đảm yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy thì cơ quan có thẩm quyền thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quy định việc xử lý các cơ sở là kho chứa và công trình chế biến sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, hoá chất nguy hiểm cháy, nổ ở khu dân cư, nơi đông người không bảo đảm khoảng cách an toàn về phòng cháy, chữa cháy

1. Người đứng đầu cơ sở chủ động có kế hoạch, phương án di chuyển bảo đảm quy chuẩn, tiêu chuẩn quy định về phòng cháy, chữa cháy được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tổ chức thực hiện việc di chuyển theo kế hoạch đã được phê duyệt.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện di chuyển các cơ sở là kho chứa và công trình chế biến sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, hoá chất nguy hiểm cháy, nổ ra khỏi khu dân cư, nơi đông người không bảo đảm khoảng cách an toàn về phòng cháy, chữa cháy phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Trong thời gian chờ di chuyển, người đứng đầu cơ sở phải giảm trữ lượng, khối lượng tồn chứa sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, hoá chất nguy hiểm theo hướng dẫn của cơ quan Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ và cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền; trang bị bổ sung phương tiện, hệ thống phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật liên quan về phòng cháy, chữa cháy theo TCVN 3890:2009 và QCVN 05:2020/BCT.

4. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2023, các cơ sở thuộc loại hình kho chứa và công trình chế biến sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, hoá chất nguy hiểm cháy, nổ ở khu dân cư, nơi đông người không bảo đảm khoảng cách an toàn về phòng cháy, chữa cháy; không bảo đảm phương tiện, hệ thống phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật liên quan về phòng cháy, chữa cháy theo TCVN 3890:2009 và QCVN 05:2020/BCT nếu chưa thực hiện di chuyển phải đình chỉ hoạt động.

5. Các công trình cấp khí đốt, dầu khí, hoá chất sau khi di chuyển cần bảo đảm các yêu cầu về kỹ thuật và quy hoạch theo quy định tại mục 2.3 của QCVN 07-6:2016/BXD, mục 2.6.12 của QCVN 01:2021/BXD, Quy chuẩn QCVN 05:2020/BCT và các yếu tố kỹ thuật khác theo tiêu chuẩn và quy chuẩn chuyên ngành khác có liên quan.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này; trong đó, xác định trách nhiệm cụ thể cho từng sở, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và từng cơ quan, tổ chức có liên quan; xác định lộ trình, thời gian thực hiện.

2. Các đối tượng quy định tại Điều 2 của Quy định này phải thực hiện nghiêm các nội dung của Quy định, trường hợp không thực hiện sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.